

Date 2020.8.22

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date 2026.02.22

WHITE Huang Zixin						FED		2008.2.22		1.	
BLACK Bujiukham Battur						FED		RESULT (W) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Re1	Nf6	41	Rc7	Bf6	61	Ke4	Bd2
2	c4	g6	22	Nf6	Qxf6	42	Bd6	Rc7	62	Bb7	Ba3
3	Nc3	Bb7	23	Pcd1	Qc3	43	Bc7	b5	63	Bxa3	b6
4	e4	d6	24	Kf2	Qxd4	44	Kf3	Pd4	64	Kd5	
5	Nf3	0-0	25	Bxd2	Bf6	45	Bb6	Rg6	65		
6	Be2	e5	26	Bc3	Rg7	46	b4	Rf6	66		
7	0-0	ed	27	C5	dC	47	Bxc5	Bc3	67		
8	Nxd4	Nc6	28	Bxc5	Rxe1	48	g4	f94	68		
9	Be3	RdP	29	Pd74	Rg6	49	Kxg4	a5	69		
10	f3	Bd7	30	Kxe1	Rg4	50	ba	Bxa5	70		
11	Qd2	Nxd4	31	Rf2	Bc5	51	h5	Rf7	71		
12	Qxd4	Bc6	32	Q34	Be7	52	Rf5	Bc7	72		
13	Rf21	a6	33	C5	h4	53	K94	Ba5	73		
14	Rac1	Nh6	34	Bd4	f7	54	Bd6	BdP	74		
15	Be3	KdP	35	Kf1	Be5	55	Bc5	Be7	75		
16	b3	f5	36	R92	h6	56	Rf5	Bc5	76		
17	Bd3	Qxf6	37	Rb7	Rh5	57	Ke4	Bf2	77		
18	Qf	Bxf5	38	Rh3	R9P	58	Rd5	Be3	78		
19	Nd5	Qxf7	39	f4	Bd4	59	Bc6	b4	79		
20	Bxf5	Qf	40	R92	R97	60	Rd5	Ke7	80		

SIGNATURE (WHITE)
Huang Zixin

SIGNATURE (BLACK)
Bujiukham

SIGNATURE (ARBITER)
Pan Qian

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 22 August Board 2

WHITE Zaidani Zimeerah												FED MAS	RESULT (W)
BLACK Veronica J. S. L. Mahalew												FED INA	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c6	21	g4	N4	41	a3	R1e3	61	h3	R9		
2	Nc3	h5	22	c4	Nxe3	42	Ra3	Re2	62	Rd7	Rd1		
3	d4	dex	23	Rxe3	Bg5	43	h3	Ra2	63	h3	Rd7		
4	Nxe4	Bf5	24	R09	AF6	44	h3	Ra2	64	Rd7	Rd7		
5	Ng3	Bx4	25	F4	Bx5	45	Rd3	R2e4	65	Rd7	Rd7		
6	h4	h6	26	Rxe5	Rd6	46	Rd3	Re3	66	h4	Rd7		
7	Nf3	Nd7	27	c5	Rd7	47	h4	Re1	67	Rd6	h7		
8	h5	Bh7	28	F5	exf5	48	Rc3	a6	68	h4	h8		
9	Bd3	Bd3	29	Rf5	Rd8	49	a4	Ra1	69	c6	h6		
10	Qxd3	e6	30	Rf9	Rd5	50	a5	Ra1	70	Rxc6	Ra7		
11	Bd2	Nf6	31	h2	Re8	51	Rc3	R8e2	71	h5	h7		
12	0-0-0	Be7	32	Rd1	Rd7	52	Rc3	Rd2	72	h4	h7		
13	h6	0-0	33	h3	Rd7	53	Rd3	Rd2	73	h5	h7		
14	Nd4	Nxe4	34	R1e2	F6	54	d5	Rd1	74	h5	Ra8		
15	Qxe4	Nf6	35	b4	Re3	55	Rd4	Rd1	75	b5	axb5		
16	Qe2	Qd5	36	h4	Re1	56	h3	cxh5	76	hxb5	Rxe5		
17	Nd5	Qe4	37	h3	h7	57	Rd5	Rd1	77	h6	Ra6		
18	Qxe4	Nxe4	38	Rf3	R8e4	58	h3	Re7	78	hxb6	hxb6		
19	Be3	Rf5	39	Rf4	Ra3	59	Rd4	Rd1	79	h5	h5		
20	Rhe1	Nf6	40	h2	Re8	60	h4	Rd1	80	h6	h4		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)					
								Pan Qian					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 22.8.2026 Board 2

WHITE Zimeerah Annour Zaidani												FED	RESULT (W)
BLACK Veronica Jefany Sheryl Wich, Mahalew												FED	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c6	21	g4	Nd5	41	a3	R1e3	61	h3	R9		
2	Nc3	d5	22	c4	Nxe3	42	R2f3	Re2	62	Rd7	Rd1		
3	d4	dxe4	23	Rxe3	Bg5	43	h3	Ra2	63	h3	Rd7		
4	Nxe4	Bf4	24	Re4	Bf6	44	h3	Ra2	64	Rd7	Rd1		
5	Ng3	Bg6	25	f4	Bxe5	45	Rd3	Rd4	65	Rd7	Rd1		
6	h4	h6	26	Rxe5	Rd6	46	Rd3	Re2	66	h3	h6		
7	Nf3	Nd7	27	c5	Rd7	47	h4	Re1	67	h4	Re1		
8	h5	Bh7	28	f5	exf5	48	Rc3	a6	68	Rd6	h7		
9	Bd3	Bxd3	29	Rxf5	Rd8	49	a4	Ra1	69	h4	h8		
10	Qxd3	e6	30	Rf4	Rd5	50	a5	Ra1	70	c6	h6		
11	Bd2	Nf6	31	h2	Re8	51	Rc3	R8e2	71	h5	h7		
12	0-0-0	Be7	32	Rd1	Rd7	52	Rc3	Rd2	72	h4	h7		
13	h6	0-0	33	h3	Rd7	53	Rd3	Rd2	73	h5	h7		
14	Nd4	Nxe4	34	R1e2	F6	54	d5	Rd1	74	h5	Ra8		
15	Qxe4	Nf6	35	b4	Re3	55	Rd4	Rd1	75	b5	axb5		
16	Qe2	Qd5	36	h4	Re1	56	h3	cxh5	76	hxb5	Rxe5		
17	Nd5	Qe4	37	h3	h7	57	Rd5	Rd1	77	h6	Ra6		
18	Qxe4	Nxe4	38	Rf3	R8e4	58	h3	Re7	78	hxb6	hxb6		
19	Be3	Rf5	39	Rf4	Ra3	59	Rd4	Rd1	79	h5	h5		
20	Rhe1	Nf6	40	h2	Re8	60	h4	Rd1	80	h6	h4		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)					
								Pan Qian					

PM 1:09

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 22.8.2026 Board 2

WHITE Zailani zinneerah Annour											
BLACK Veronica J.S.L. Makalew											
FED Mas						RESULT (W) 0					
FED N/A						RESULT (B) 1					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kc6	Lf4	21			41			61		
2	Kd6	Lxg4	22			42			62		
3	Ld5	F5	23			43			63		
4	Ld4	F4	24			44			64		
5	Ld3	F3	25			45			65		
6	Ke3	Lg3	26			46			66		
7	Ld2	F2	27			47			67		
8	Ke2	Lg2	28			48			68		
9	Ke3	F1=Q	29			49			69		
10	Ld4	Qe2	30			50			70		
11			31			51			71		
12			32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
								Pan Qian			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 22.8.2026 Board 2

WHITE Zinneerah Annour											
BLACK Veronica Jefany Shery											
FED						RESULT (W) 0					
FED						RESULT (B) 1					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kc6	Ke4	21			41			61		
2	Kc6	Kf4	22			42			62		
3	Kd6	Lxg4	23			43			63		
4	Kd5	f5	24			44			64		
5	Kd4	f4	25			45			65		
6	Kd3	f3	26			46			66		
7	Ke3	Lg3	27			47			67		
8	Kd2	f2	28			48			68		
9	Ke2	Lg2	29			49			69		
10	Kd3	f1=Q	30			50			70		
11	Kd4	Qe2	31			51			71		
12			32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
								Pan Qian			

PM 1:09

G12 1-3 AM 10:55

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Aug 22, 2026

Board

3

Group

G12 C

Round

1

WHITE										FED		RESULT (W)
Miano Kallirine C Ventolero										PHI		1
BLACK										FED		RESULT (B)
Xin, Yueran										CHN		0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	d5	21	g4	e5	41	Ra6	Bd8	61			
2	Nf3	Nf6	22	Bg3	Nh8	42	Ra8	Ke7	62			
3	c4	cc	23	Bb5	exd4	43	Bf6	Kd7	63			
4	Nc3	Bf5	24	axd4	ag	44	Rxd7	Kc6	64			
5	Qb3	Qb6	25	Bxa6	Nxa6	45	Be5	Rh5	65			
6	c4	Qd7	26	Ra6	Rf8	46	Rd6	Kb7	66			
7	Oxb3	Nba7	27	Rb1	R8	47	Rxd5	Rh5	67			
8	Bf4	hc	28	Rb7	f5	48	Rc5		68			
9	h3	Ned4	29	Be5	Bf8	49			69			
10	eg	Nf6	30	Ra7	Ra6	50			70			
11	b4	eg	31	Kf1	Rg6	51			71			
12	b5	Be1	32	Rb6	Rf5	52			72			
13	bxc6	bxc6	33	f4	Rh	53			73			
14	Ba6	O-O	34	Rg2	Rh4	54			74			
15	O-O	Nc5	35	Rg6	Re1	55			75			
16	Bb7	Nxc3	36	Rre7	Bre7	56			76			
17	bxc3	Ra8	37	c6	Bd1	57			77			
18	Brc6	Bd3	38	Bxc7	Rf8	58			78			
19	Rfd1	Be2	39	Rh7	Rh5	59			79			
20	Rd2	Bf3	40	Ra7	Bb6	60			80			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)						
Miano			Xin Yueran			Pan Qian						

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

7/22

Board

3

Group

G12

Round

1

WHITE										FED		RESULT (W)
Miano Kallirine C Ventolero												1
BLACK										FED		RESULT (B)
Xin, Yueran												0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	d5	21	gf	e5	41	Ra6	Bd8	61			
2	Nf3	Nf6	22	Bg3	Nh8	42	Ra8	Ke7	62			
3	c4	cc	23	Bb5	ed	43	Bf6	Kd7	63			
4	Nc3	Bf5	24	cd	ab	44	Rd8	Kc6	64			
5	Qb3	Qb6	25	Ba6	Na6	45	Be5	Rh4	65			
6	c5	Qb3	26	Ra6	Re8	46	Ra6	Kb7	66			
7	ab	Nb7	27	Rb2	Re8	47	Rd8	Rh5	67			
8	Bf4	h6	28	Rb7	f5	48			68			
9	h3	Nc4	29	Be5	Bf8	49			69			
10	e3	Nf6	30	Ra7	Re6	50			70			
11	b4	ab	31	Kd1	Rg6	51			71			
12	b5	Be7	32	Rb6	Rg5	52			72			
13	hc	bxc6	33	f4	Rh5	53			73			
14	Ba6	O-O	34	Rg2	Rh4	54			74			
15	O-O	Nc5	35	Rg6	Re1	55			75			
16	Bb7	Nxc3	36	Rre7	Bre7	56			76			
17	bxc3	Ra8	37	c6	Bd1	57			77			
18	Brc6	Bd3	38	Bxc7	Rf8	58			78			
19	Rfd1	Be2	39	Rh7	Rh5	59			79			
20	Rd2	Bf3	40	Ra7	Bb6	60			80			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)						
Miano			Xin Yueran			Pan Qian						

G12 1-3 AM 10:55

AM 11:11

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/22 Board 0

WHITE Kung-Fan-Hsuan										FED TPE		RESULT (W)
BLACK Luo, Zhen zhen										FED CHN		RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	Nf6	21	Rf1	Rf8	41	Nb1	Rd2	61			
2	Nf3	d5	22	Bd2	Rax	42	Ra1	a2	62			
3	g3	Bf5	23	Bc1	cdp	43	Nb3	Kc3	63			
4	Bg2	e6	24	Qe1	de3	44	h4	Bb4	64			
5	c3	h6	25	Qe3	Qe3	45	Rd1	Rd2	65			
6	Qb3	Qc8	26	Ne3	Rb8	46	Rd2	Bd2	66			
7	Nbd2	Be1	27	Nd2	Bb6	47	Kd2	d'c4	67			
8	o-o	o-o	28	Nd6	Nc5	48	h5	Ce2	68			
9	Re1	Nbd1	29	Nd2	Nd3	49	Kc3	Qe3	69			
10	cb	cb	30	Kf1	Nc1	50	Ke2	Bh7	70			
11	e3	a5	31	Rc1	Bh2	51	Kf1	d4	71			
12	c5	Qc7	32	Rch	Ba3	52	Kc2	Bep	72			
13	Qc3	b6	33	Ra1	Bb2	53	Kf1	d3	73			
14	cb6	Qh6	34	Ra2	a4	54	g5	Qc1	74			
15	a3	Rab8	35	Nd1	a3	55			75			
16	Nh4	Bh7	36	g6	Bf6	56			76			
17	Bf3	c5	37	Ke2	Re7	57			77			
18	Nf1	Ne6	38	Rc3	Rc3	58			78			
19	Be6	Nd2	39	R3	Rc3	59			79			
20	Nf2	Bf6	40	Ne3	Re7	60			80			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)						
Fan Hsuan			Luo zhen zhen			Pan Qian						

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/22 Board 4

WHITE Kung-Fan-Hsuan										FED TPE		RESULT (W)
BLACK Luo, Zhen zhen										FED CHN		RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	Nf6	21	Rd1	Rf8	41	Ncb2	Rc2	61			
2	Nf3	d5	22	Bd2	Rag	42	Ra1	Rc2	62			
3	g3	Bf5	23	Bc1	Cxd4	43	Na3	Bxa3	63			
4	Bg2	e6	24	Qe1	de3	44	h4	Rd1B4e4				
5	c3	h6	25	Qxg3	Qe3	45	Rd1	Rxd2	65			
6	Qb3	Qc8	26	Nxe3	Rcb8	46	Rdx2	Bdx2	66			
7	Nbd2	Be1	27	Nd2	Bb6	47	Rd1	f5a1	67			
8	o-o	o-o	28	Nd2	Nc5	48	Rd1	Qe3b2	68			
9	Re1	Nbd1	29	Nd2	Nd3	49	Rd1	Qc3	69			
10	c4	c6	30	Kf1	Nc1	50	ke2	Bf1	70			
11	e3	a5	31	Raxc1	Bxb2	51	Kf1	d4	71			
12	c5	Qc7	32	Rc6	Bxa3	52	Kg2	Be4	72			
13	Qc1	b6	33	Ra1	Bb2	53	Kf1	d3	73			
14	Cxb6	Qxb6	34	Ra2	a4	54	g6	Qc1	74			
15	a3	Rab8	35	Nd1	f5a3	55			75			
16	Nh4	Bh2	36	g4	Be6	56			76			
17	Bf3	c5	37	ke2	Rc2	57			77			
18	Nf1	Ne4	38	Rc3	Rc8	58			78			
19	Bxe4	Bxe4	39	h3	Rxc3	59			79			
20	Ng2	Bf6	40	Nb3	Rc8	60			80			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)						
Sheny			Luo zhen zhen			Pan Qian						

AM 11:11

Group	G12
Round	1
Board	5

WHITE						FED		RESULT (W)			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Jiang Luning						CHN		1			
Wjin Bumshun						Ugi		0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d6	21	hg.	Rf7	41	g7.	Ke8	61		
2	d4	Nbd7	22	Rh4	Rd2	42	ag8.	Kd7	62		
3	Nf3	e5	23	Rh4.	Kd1.	43	Bd3.	Ke6.	63		
4	Nc3.	Nf6	24	Kd1	Kg7	44	Be8.	Kd5	64		
5	Bc4	h6	25	Bh6.	Kg6	45	d7.	Kc6	65		
6	h3	g6	26	Bg3	Nd7.	46	d7=Q	Kb8	66		
7	Bc3	Bg7	27	g5.	Rf8.	47	ab5	Ka7	67		
8	Bd2	a6	28	Ke2	c5.	48	Bb1		68		
9	a4.	h5	29	Qh6.	Ke7	49			69		
10	Ng5.	0-0	30	Rd7	Ke8	50			70		
11	d5.	a5	31	Ne4.	Rg8.	51			71		
12	Be2.	Nc5.	32	Kd7	Kd7	52			72		
13	Rg1.	Nh7.	33	Na6.	Kc7	53			73		
14	Nh7.	Kd7.	34	Ng8.	Ka7	54			74		
15	g4.	f5.	35	Nf6.	Kg8	55			75		
16	gf.	gf.	36	Ne8.	Kt7	56			76		
17	ef.	Be7	37	Nd8	Kg6.	57			77		
18	d5.	Qd4	38	Nb7	Kc7	58			78		
19	Ng4.	Bd5	39	d6.	Ke8	59			79		
20	0-0-0	Rg4	40	g6	Kd7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
Jiang Luning						Wjin Bumshun		Pan Qian			

Group	G12
Round	1
Board	5

WHITE		FED		FED		RESULT (W)		
Jiang, Luning		CHV				1		
Vjin, Bumshur		MGL				0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d6	21	h3	Rd2	41	g7	Ke8
2	d4	Nbd7	22	Rh1	Rd2	42	g8=st	Kd7
3	Nf3	e5	23	Rh4	Rd1+	43	Qd8+	Ke6
4	Nc3	Ng6	24	Kd1	Kg7	44	Qe8+	Kd5
5	Bc4	h6	25	Rh6+	Kg6	45	d7	Kc6
6	h3	g6	26	Bc3	Nd7	46	d8=st	Kb7
7	Bc3	Bg7	27	g5	Rf8	47	Qb5+	Ka7
8	Rd2	a6	28	Ke2	c5	48	Qd10st	
9	a4	h5	29	Rh6+	Kd7	49		
10	Ng5	o-o	30	Rh7+	Ke8	50		
11	d5	a5	31	Nc4	Rg8	51		
12	Bc2	Nc5	32	Rd7	Kd7	52		
13	Rg1	Nh7	33	Nf6+	Ke7	53		
14	Nh7	Kh7	34	Ng8+	Kd7	54		
15	g4	f5	35	Nf6	Kg6	55		
16	gf	gf	36	Nc8	Kd7	56		
17	e4	Bf5	37	Nd6+	Kg6	57		
18	Bh5	Qh4	38	Nb7	Kd7	58		
19	Bg4	Bh6	39	d6	Ke8	59		
20	a-o-a	Bg4	40	g6	Kd7	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
[Signature]			[Signature]			Pan Qian		

AM 12:24

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date 8/22

Group	6/2
Round	1
Board	6

WHITE Chang, Lan-Xin Nancy						FED TPE		RESULT (W) 0			
BLACK Mandukhai, Munkhbat						FED MGL		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qc2	e4 ⁺	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	dxe4	fxe4	42			62		
3	Bc4	Bc5	23	Nh4	Qg5	43			63		
4	d3	h6	24	g3	Kh8	44			64		
5	c3	Nf6	25	Nxe6	Rxe6	45			65		
6	b4	Bd6	26	Bc1	Qh5	46			66		
7	Nbd2	Ne7	27	Be3	Nc5	47			67		
8	a4	c6	28	h4	Nf3+	48			68		
9	Bb3	Ng6	29	Kf1	Qd4	49			69		
10	Nc4	Bc7	30	Kg2	Nxh4	50			70		
11	O-O	O-O	31	Kg1	Nf3+	51			71		
12	Ba3	d5	32	Kg2	Nh4+	52			72		
13	exd5	xd5	33	Kg1	Qh3	53			73		
14	Ne3	Be6	34	f4	Qxg3	54			74		
15	Re1	Nf4	35	Kf1	Qf3+	55			75		
16	Nf1	Nd7	36	Bf2	Rg6	56			76		
17	Ng3	f5	37	Ke1	Qh4	57			77		
18	Ne2	Nxe2	38	Kd2	Nf3+	58			78		
19	Rxe2	Rf6	39	Ke3	Bb6	59			79		
20	Bb2	Rg6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Nancy			Mandukhai			Pan Qian					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date 2026.8.22

Group	6/2
Round	1
Board	6

WHITE Chang, Lan-Xin Nancy.						FED TPE		RESULT (W) 0			
BLACK Mandukhai, Munkhbat.						FED MGL		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4.	e5.	21	Qc2.	e4.	41			61		
2	Nf3.	Nc6.	22	de.	fe.	42			62		
3	Bc4.	Bc5.	23	NH4.	Qg5.	43			63		
4	d3.	h6.	24	g3.	Lh8.	44			64		
5	c3.	Nf6.	25	Nxe6.	Re6.	45			65		
6	b4.	Bd6.	26	Bc1.	Qh5.	46			66		
7	Nd2.	Ne7.	27	Be3.	Nc5.	47			67		
8	a4.	c6.	28	h4.	Nf3.	48			68		
9	Bb3.	Ng6.	29	Kf1.	Qd4.	49			69		
10	Nc4.	Bc7.	30	Kg2.	Ng2 Nh4.	50			70		
11	O-O.	O-O.	31	Kg1.	Nf3.	51			71		
12	Ba3.	d5.	32	Kg2.	NH4.	52			72		
13	ed.	cd.	33	Kg1.	Qh3.	53			73		
14	Ne3.	Be6.	34	f4.	Qxg3.	54			74		
15	Re1.	Nf4.	35	Kf1.	Qf3.	55			75		
16	Nf1.	Nd7.	36	Bf2.	Rg6.	56			76		
17	Ng3.	f5.	37	Ke1.	Qh1.	57			77		
18	Ne2.	Ne2.	38	Kd2.	Nf3.	58			78		
19	Rd2.	Rf6.	39	Ke3.	Bb6.	59			79		
20	Bb2.	Rg6.	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Nancy			Mandukhai			Pan Qian					

AM 12:24

AM 12:10

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 26.08.20

Group G12

Round 1

Board 8

WHITE Ma Sula												FED CHN	RESULT (W)
BLACK Lee Jian A												FED KOR	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	e5	21	Rc1	16	NC5	40		41				
2	Nf3	Nc6	22	Qc2	14	d4	35		42				
3	Bc4	Bc5	23	Pf3	14	Qd7	35		43				
4	d3	Nf6	24	Nc4	14	Nxe4	29		44				
5	c3	db	25	Nxe4	14	Pf5	28		45				
6	Nbd7	O-O	26	Re1	12	Qc6	23		46				
7	O-O	Bb6	27	Kf1	10	Qh6	23		47				
8	a3	Ne7	28	Ng3	8	Bxb3	23		48				
9	Re1	Ng6	29	Bxf4	5	exd4	23		49				
10	Nf1	cb	30	Bxe4	7	Bxe8	23		50				
11	Be3	d5	31	Ne4	5	Bg4	23		51				
12	exd5	exd5	32	f3	7	Qh4	23		52				
13	Ba2	Re8	33	Kf2	4	Bxb3	23		53				
14	Bxb6	Qxb6	34	gxf3	4	Qh2	24		54				
15	Qb3	Qd7	35	Ke1	4	Qxc2	24		55				
16	Ng3	Bg4	36	Kf1	5	Bxe4	24		56				
17	Nd2	Nf4	37	fxe4	6	f3	24		57				
18	c4	Rad8	38	Ke1	6	Qe2	24		58				
19	h3	Be6	39						59				
20	Re3	Nd7	40						60				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			Pan Qian				
Ma Sula			o/p/c										

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.22

Group G12

Round 1

Board 8

WHITE Ma Sula												FED CHN	RESULT (W)
BLACK Lee Jian A												FED KOR	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	e5	21	Rc1	16	NC5	40		41				
2	Nf3	Nc6	22	Qc2	14	d4	35		42				
3	Bc4	Bc5	23	Pf3	14	Qd7	35		43				
4	d3	Nf6	24	Nc4	14	Nxe4	29		44				
5	c3	db	25	Nxe4	14	Pf5	28		45				
6	Nbd7	O-O	26	Re1	12	Qc6	23		46				
7	O-O	Bb6	27	Kf1	10	Qh6	23		47				
8	a3	Ne7	28	Ng3	8	Bxb3	23		48				
9	Re1	Ng6	29	Bxf4	5	exd4	23		49				
10	Nf1	cb	30	Bxe4	7	Bxe8	23		50				
11	Be3	d5	31	Ne4	5	Bg4	23		51				
12	exd5	exd5	32	f3	7	Qh4	23		52				
13	Ba2	Re8	33	Kf2	4	Bxb3	23		53				
14	Bxb6	Qxb6	34	gxf3	4	Qh2	24		54				
15	Qb3	Qd7	35	Ke1	4	Qxc2	24		55				
16	Ng3	Bg4	36	Kf1	5	Bxe4	24		56				
17	Nd2	Nf4	37	fxe4	6	f3	24		57				
18	c4	Rad8	38	Ke1	6	Qe2	24		58				
19	h3	Be6	39						59				
20	Re3	Nd7	40						60				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			Pan Qian				
Ma Sula			o/p/c										

AM 12:10

AM 11:45

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)Date
22/Aug

Group	G 12
Round	1
Board	9

WHITE Paredez, Althea Dominique M.												FED	PHI	RESULT(W)	1
BLACK Ma Su Ya												FED	CHN	RESULT(B)	0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	Nf6	21	h4	gxf4	41	Rg1	Ne7	61	Kf6	Rc1				
2	c4	e6	22	Rxh4	Kd7	42	Rh4	Rh8	62	Kc6	b5				
3	Nc3	Bb4	23	Bg2	Rag8	43	Rgh1	Ng6	63	axb5	a6				
4	f3	d5	24	a4	a6	44	Rxh5	Rxh5	64	b4	a7				
5	a3	Bxc3	25	Qb2	Qd8	45	Rxh5	Nf4	65	Kb7	Rb1				
6	bxc3	dxcc4	26	Rh1	Qf8	46	Rg5	Nxg2	66	b3	Ke7				
7	e4	b5	27	Qc1	h5	47	Rxg2	c5	67	Kxa2	Kd6				
8	Bg5	Nbd7	28	g5	Nb6	48	Rg7	Ke7	68	Kb7	c6				
9	Be2	h6	29	Qb2	Qd8	49	dxcc5	Bxf3	69	Kc8	Ra1				
10	Bh4	g5	30	Qb4	Nc8	50	Ke3	Bb7	70	Kd2	Bxc3				
11	Bg3	c6	31	a5	Rxg5	51	Rg8	Kd7	71	Kxc6	b2				
12	Nh3	Nb6	32	Bxg5	Qxg5	52	Rf8	Kc6	72	Rb1	Kc8				
13	Qc2	Nh5	33	Qb2	Qe3	53	Rxf7	Bc8	73	Rxb2	Kd8				
14	Bf2	Qc7	34	Kd1	Ne7	54	Kf4	Bd7	74	Rf8	Ke7				
15	e5	Nd5	35	Re1	Qd3	55	Kg5	b4	75	Kc7	Ke8				
16	g4	Nf4	36	Qd2	Qf5	56	cxb4	c3	76	Kd6	Kd8				
17	Nxf4	Nxf4	37	Qc2	Qg5	57	Rf3	Kb5	77	Rf8	##				
18	Bf1	Qa5	38	Qd2	Qxd2	58	Rxc3	Bc6	78						
19	Be3	Nd5	39	Kxd2	Nd5	59	Rb3	Kc4	79						
20	Bd2	Bb7	40	Re4	Rg8	60	Rb1	Kb5	80						
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)									
Althea			Ma Su Ya			Pan Qian									

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date

Group	G 12
Round	1
Board	9

WHITE Paredez, Althea Dominique M.												FED	PHI	RESULT(W)	1
BLACK Ma Su Ya												FED	CHN	RESULT(B)	0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	Nf6	21	h4	g4	41	Rg1	Ne7	61	Kf6	Bd5				
2	c4	e6	22	Rh4	Kd7	42	Rh5	Rh8	62	Rc1	Kc6				
3	Nc3	Bb4	23	Bg2	Rg8	43	Rgh1	Ng6	63	b5	ab				
4	f3	d5	24	a4	a6	44	Rh5	Rh5	64	a6	b4				
5	a3	Bc3	25	Qb2	Qd8	45	Rh5	Nf4	65	a7	Rb1				
6	bc	dc	26	Rh1	Qf8	46	Rg5	Ng2	66	Bb1	Kxb3				
7	e4	b5	27	Qc1	h5	47	Rg2	c5	67	Ke7	Ka7				
8	Bg5	Nd7	28	g5	Nb6	48	Rg7	Ke7	68	Kd6	Rb7				
9	Be2	h6	29	Qb2	Qd8	49	dc	Bf3	69	Kc8	Kc8				
10	Bh4	g5	30	Qb4	Nc8	50	Ke3	Bb7	70	Ra1	Kb8				
11	Bg3	c6	31	a5	Rg5	51	Rg8	Kd7	71	Kd7	Bc6				
12	Nh3	Nb6	32	Bg5	Qg5	52	Kf8	Kc6	72	Kc6	b2				
13	Qc2	Nh5	33	Qb2	Qe3	53	Rf7	Bc8	73	Rb1	Kc8				
14	Bf2	Qc7	34	Kd1	Ne7	54	Kf4	Bd7	74	Rb2	Kd8				
15	e5	Nd5	35	Re1	Qd3	55	Rg5	b4	75	Rf2	Ke7				
16	g4	Nh4	36	Qd2	Qf5	56	cb	c3	76	Kc7	Ke8				
17	Nf4	Nf4	37	Qc2	Qg5	57	Rf3	Kb5	77	Kd6	Kd8				
18	Bf1	Qa5	38	Qd2	Qd2	58	Rc3	Bc6	78	Rf8	##				
19	Be3	Nd5	39	Kd2	Nd5	59	Rb3	Kc4	79						
20	Bd2	Bb7	40	Re4	Rg8	60	Rb1	Kb5	80						
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)									
Althea			Ma Su Ya			Pan Qian									

AM 11:45

AM 11:25

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24.8.22

Group	612
Round	1
Board	10

WHITE 吴子皓											
BLACK Wen 王皓											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Rb1	b5	41	Re8	Qf6	61		
2	d4	d5	22	Nc3	Nc6	42	Rf6	Kg8	62		
3	e5	c5	23	Qd3	49	43	Qd8	Qf8	63		
4	c3	Nc6	24	Qf5	46	44	Re8	Qe8	64		
5	Nf3	Bd7	25	Qd3	B9	45	Qe8	Kg7	65		
6	a3	cd	26	Qf1	BC2	46	Ke2	Kh7	66		
7	cd	Qb6	27	Qd2	Bb3	47	Kg7	Kf4	67		
8	b4	Ng8	28	Re1	BC4	48	Kf6	Qc6	68		
9	Bb2	Nf5	29	Ne5	33	49	Rf7	Ke5	69		
10	Be2	Ne7	30	Kf1	h6	50	Kg7	Qd7	70		
11	O-O	O-O	31	Nf3	24	51	Kf8	Kf6	71		
12	Qd3	ab8	32	Qd3	Nh4	52	g5	Qf7	72		
13	Nb6	f6	33	Nh4	22	53			73		
14	ef	Bf6	34	Rc8	Rc8	54			74		
15	Nb3	Rac8	35	Qh3	Rc2	55			75		
16	Rfe1	Be8	36	Re8	Kh7	56			76		
17	Nc5	Nb8	37	Qf5	g6	57			77		
18	Bf1	Bf6	38	Qc2	Qf7	58			78		
19	Re6	64	39	Rc8	Qe6	59			79		
20	Qe2	59	40	Qc7	Be7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
吴子皓				Wen 王皓				Pan Qian			

AM 11:25

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date .

Group	612
Round	1
Board	10

WHITE 吴子皓											
BLACK Wen 王皓											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Re1	Nb3	41	Re8	Kg6	61		
2	d4	d5	22	Nb3	Nc6	42	Re7	Kg6	62		
3	e5	c5	23	Qd3	b6	43	Qd8	Qg8	63		
4	c3	Nc6	24	Qf5	Nc7	44	Re8	Qe8	64		
5	Nf3	Bd7	25	Qd3	Bb6	45	Qe8	Kg7	65		
6	a3	cd	26	Qd1	Bc2	46	Ke2	Kh7	66		
7	cd	Qb6	27	Qd2	Bb3	47	Kf3	Kg7	67		
8	b4	Ne7	28	Rac1	Bc4	48	Kf4	Kf6	68		
9	Bb2	Nf5	29	Ne5	Bc1	49	Qc6	Kf7	69		
10	Be2	Be7	30	Kxf1	h6	50	Kef	Kg7	70		
11	O-O	O-O	31	Nf3	Nf5	51	Qd7	Kf6	71		
12	Qd3	ab	32	Qd3	Nh4	52	Kf6	Kg7	72		
13	Nb2	f6	33	Nh4	Bxh4	53	Qf7		73		
14	ef	Bxf5	34	Re8	Rg8	54			74		
15	Nb3	Rc8	35	Qh3	12	55			75		
16	Re1	Be8	36	Re8	Kh7	56			76		
17	Nc5	Ng8	37	Qf7	g6	57			77		
18	Bf1	Bb6	38	Qf7	Qd7	58			78		
19	Re6	Qd2	39	Re8	Qe6	59			79		
20	Bf7	Re1	40	Qc7	Be7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
吴子皓				Wen 王皓				Pan Qian			